

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T do ông Trần Văn C đại diện theo ủy quyền trình bày yêu cầu khởi kiện: Ngày 23/02/2015 bà T cho bà Nguyễn Thị N vay 100.000.000đ, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay 15 ngày, mục đích vay bà N giải quyết việc gia Đ. Đến hạn, bà N không trả cho bà T, vì vậy bà T khởi kiện yêu cầu bà N và ông S liên đới trả 100.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T cung cấp “giấy mượn tiền ngày 23/2/2015”.

- Tại bản tự khai ngày 04/7/2017, biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 02/8/2017 bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N và ông S là vợ chồng, bà N thừa nhận ngày 23/02/2015 bà N có vay của bà T 100.000.000đ với lãi suất 15.000.000đ/tháng nhưng đến ngày 08/10/2015 bà N trả cho bà T 40.000.000đ tiền gốc. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà N và ông S cùng liên đới trả bà T số tiền vay 100.000.000đ thì bà N chỉ đồng ý trả 60.000.000đ còn nợ bà T nhưng yêu cầu trả một mình vì việc vay tiền của bà T thì ông S không biết và xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hoàn tất số nợ trên. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cung cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn Nhoãn, văn bản của ông Nguyễn Thanh Sang cùng giấy chứng nhận của bà Trần Thị Gái tất cả không ghi ngày, tháng, năm.

- Bị đơn Nguyễn Hữu S được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt ông S theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Xét quan hệ tranh chấp là tranh chấp là hợp đồng vay tài sản chịu sự điều chỉnh của Bộ luật dân sự nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị N, Nguyễn Hữu S: Bà N và ông S được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông S.

[3] Về việc không triệu tập ông Nguyễn Văn Nhoãn, ông Nguyễn Thanh Sang cùng bà Trần Thị Gái vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng: Trong quá trình giải quyết vụ án bà N cung cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn Nhoãn, văn bản của ông Nguyễn Thanh Sang cùng giấy chứng

nhận của bà Trần Thị Gái với nội dung chứng minh bà N đã trả cho bà T 40.000.000đ nhưng tại các văn bản trên không thể hiện việc ông Nhoãn, ông Sang cùng bà Gái có địa chỉ ở đâu, sinh năm nào để Tòa án triệu tập các ông bà nói trên vào tham gia tố tụng. Bên cạnh đó, Tòa án đã ra thông báo yêu cầu bà N cung cấp tài liệu, chứng cứ số 20/2017/TBCCCC-TA ngày 02/8/2017 nhưng bà N không cung cấp, vì vậy Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[4] *Về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T:* Bà T và bà N thống nhất ngày 23/02/2015 bà T cho bà Nguyễn Thị N vay 100.000.000đ. Bà N cho rằng bà N đã trả 40.000.000đ cho bà T nhưng không được ông C là người đại diện theo ủy quyền của bà T thừa nhận. Bà N cung cấp giấy chứng nhận của ông Nguyễn Văn Nhoãn, văn bản của ông Nguyễn Thanh Sang cùng giấy chứng nhận của bà Trần Thị Gái với nội dung chứng minh bà N đã trả cho bà T 40.000.000đ nhưng tại các văn bản trên không xác định được ông Nhoãn, ông Sang, bà Gái là một cá nhân cụ thể cũng như các văn bản trên không chứng thực chữ ký của ông Nhoãn, ông Sang, bà Gái. Do đó những lời trình bày bằng văn bản của ông Nhoãn, ông Sang, bà Gái chứng minh bà N trả cho bà T 40.000.000đ là không có căn cứ, vì vậy bà N còn nợ bà T 100.000.000đ tiền vay là đúng như lời trình bày của bà T.

[5] *Về trách nhiệm liên đới trả nợ:* Bà N và ông S là vợ chồng, hiện đang chung sống phải cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà T theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 288 Bộ luật dân sự.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S.

[6] *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S phải liên đới chịu 5.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003954 ngày 23/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S.

Buộc bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 100.000.000đ phát sinh từ hợp đồng vay tài sản.

Trường hợp bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S chậm trả thì bà N và ông S liên đới trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Hữu S liên đới chịu 5.000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà T 2.500.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003954 ngày 23/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện TH;
- Chi cục THADS huyện TH;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phùng Trường Thọ